TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2023/HC-PT
Ngày: 06/6/2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 649/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của ông Phạm Văn A, bà Trần Thị D đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5703/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1956; địa chỉ: xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bị kiện*:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: số XX, đường E, thành phố X, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Ủy ban nhân dân xã Y và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: Đường Z, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Văn C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Bà Trần Thị D, sinh năm 1961; địa chỉ: xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn A và bà Trần Thị D: bà Phan Thị Tú G, sinh năm 1979; trú tại khối K, phường L, thành phố X, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa. Bà Đào Thị H1 và ông Đào Quang H2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại phiên họp đối thoại, ông Phạm Văn A và bà Phan Thị Tú G (người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn A và bà Trần Thị D) trình bày: Gia đình ông Phạm Văn A và bà Trần Thị D có thửa đất ở tại xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An; thửa đất này là do bố mẹ của ông A sử dụng từ trước năm 1976, sau đó, để lại cho vợ chồng ông A tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay vào mục đích đất ở. Đến năm 1997, khi thực hiện dự án xây dựng kênh chính Trạm bơm Đ, địa bàn xã Y thì thửa đất ở của gia đình ông A bị tách thành hai thửa, nay là thửa đất số 200 và thửa số 208, tờ bản đồ số HZ.

Thực hiện dự án đường giao thông 24 mét và quy hoạch chia lô đất ở, gia đình ông Phạm Văn A bị thu hồi toàn bộ thửa đất số 200. Tuy nhiên, gia đình ông A chỉ được bồi thường theo giá đất nông nghiệp, do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Y xác định sai loại đất, xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất này là đất ao không gắn liền với đất ở trước ngày 18 tháng 12 năm 1980. Không đồng ý với việc xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 200 của UBND xã Y, ông A đã làm đơn khiếu nại. Ngày 21 tháng 02 năm 2019, Chủ tịch UBND xã Y đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung khiếu nại của ông A là không đúng. Không đồng ý với với quyết định này, ông A khiếu nại lên UBND thành phố X, tỉnh Nghệ An. Ngày 12 tháng 7 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X đã ban hành Quyết định số 4033/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông A lần hai, với nội dung: Khiếu nại của ông A là không có cơ sở, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của UBND xã Y.

Các quyết định trên giải quyết không đúng sự thật, không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A, vì các lý do:

Thứ nhất, về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất này là thửa đất gắn liền với thửa đất số 208, tờ bản đồ 18 (trước đây là một thửa đất), bố mẹ của ông A là cụ P và cụ N sử dụng từ trước năm 1970, sau đó, đến năm 1976 để lại cho vợ chồng ông A tiếp tục sử dụng. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND thành phố X đã tiến hành xác minh, làm việc với UBND xã Y và một số người sống cùng thời điểm thì kết quả như sau:

- UBND xã Y khẳng định thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ của gia đình ông A là do cụ P (bố của ông A), sử dụng vào mục đích đất ao từ trước năm 1976 đến năm 2012 thì chuyển đổi thành đất trồng cây hàng năm và nuôi trồng gia trại.

Như vậy, UBND xã Y đã khẳng định đây là đất vườn ao của gia đình ông A sử dụng trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 do bố của ông A để lại cùng một thửa đất.

- Kết quả làm việc với Hợp tác xã Y thì ông Nguyễn Xuân M - Chủ nhiệm hợp tác xã cũng khẳng định thửa đất này của gia đình ông A có nguồn gốc do bố của ông A để lại, đất sát liền với thửa đất số 208, tờ bản đồ số HZ. Như vậy, Hợp tác xã Y cũng khẳng định đây là đất vườn sát với thửa đất số 208 do bố của ông A để lại, điều này khẳng định thửa đất số 208 và thửa đất số 200 trước đây là một thửa.

- Ông Nguyễn Văn T1 - xóm trưởng, ông Hoàng Văn T2 cũng khẳng định thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ có nguồn gốc là của gia đình ông A, đất hương hỏa do ông cha để lại vào mục đích đất vườn ao, do Nhà nước làm mương lên thửa đất tách thành hai thửa. Điều này khẳng định thửa đất số 208 và thửa đất số 200 trước đây là một thửa.

Như vậy, UBND xã Y, Hợp tác xã Y, xóm trưởng xóm O và những người dân sống cùng thời điểm cũng đã khẳng định thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ trước đây gắn liền với thửa đất số 208, tờ bản đồ số HZ (hai thửa chỉ là một thửa) do bố của ông A là cụ P để lại cho ông từ năm 1976, gia đình ông A sử dụng vào mục đích đất vườn ao, nguyên nhân của việc tách thành hai thửa là do có dự án làm mương.

Thứ hai, về quá trình quản lý và sử dụng: Sau khi được cho đất, gia đình ông A đã quản lý, sử dụng ổn định thửa đất vào mục đích vườn ao, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về đất đai đối với Nhà nước. Những người trong gia đình ông A thuộc hàng thừa kế của bố mẹ ông A đã lập văn bản phân chia tài sản thừa kế và thống nhất giao lại cho vợ chồng ông A được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất.

Thứ ba, các quy định của pháp luật đất đai: Tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013 quy định: "*3. Trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980, người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này mà trong giấy tờ đó chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất bằng diện tích thực tế của thửa đất đối với trường hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất ở, bằng 05 lần hạn mức giao đất ở đối với trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai*". Thửa đất số 208 và thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ của gia đình ông A có nguồn gốc là một thửa do bố mẹ của ông A để lại cho gia đình từ năm 1976 đến nay. Hai thửa đất này có diện tích 689m^2. Theo quy định trên thì diện tích đất ở được công nhận là 05 lần hạn mức, hạn mức ở khu vực xã Y là 150m^2/một hạn mức. Như vậy, diện tích đất ở của gia đình ông A được công nhận tối đa là 750m^2. Tuy nhiên, hai thửa đất trên của gia đình ông A chỉ mới 689m^2 nên toàn bộ là đất ở.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi về đất: "2. *Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất*". Như vậy, gia đình ông A bị thu hồi toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ là thu hồi đất ở nên phải bồi thường theo giá trị đất ở.

Do đó, ông Phạm Văn A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần hai);

- Hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A, trú tại xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã Y phải xác nhận lại nguồn gốc thửa đất trên cho gia đình ông A là đất ở hoặc đất vườn ao gắn liền với đất ở trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Nghệ An có bản tự khai trình bày: Việc ông Phạm Văn A đề nghị hủy bỏ Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần hai) là không có cơ sở sở, với những lý do:

- Ông Phạm Văn A không cung cấp được giấy tờ, tài liệu nào chứng minh thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ, diện tích 228,8m^2, sử dụng vào mục đích đất vườn gắn liền với thửa đất ở số 208, tờ bản đồ số HZ, xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An. Trong các tài liệu, giấy tờ mà ông A cung cấp chỉ thể hiện nội dung thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ là đất vườn rời thửa không gắn với thửa đất ở.

- Qua kiểm tra cho thấy: Một số ý kiến cho rằng thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ, xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An của ông Phạm Văn A sử dụng có nguồn gốc là đất ao do hộ cụ P để lại cho con trai là ông Phạm Văn A. Trước năm 1980, do mở đường vào thửa đất của ông A, thửa đất được tách khỏi thửa đất ở. Do đó, từ trước năm 1980, ông A đã sử dụng vào mục đích đất ao đối với thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ.

- Một số ý kiến cho rằng: Thửa đất số 200 của ông Phạm Văn A sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Hợp tác xã Y quản lý, ông A mượn thửa đất này để đào ao nuôi cá. Thửa đất này nằm sát bên thửa đất ở của ông A nhưng không gắn liền với đất ở trước ngày 18 tháng 12 năm 1980. Như vậy, từ năm 1976 đến trước năm 2012, thửa đất ông A sử dụng vào mục đích ao nuôi trồng thủy sản.

Theo bản đồ đo đạc qua các thời kỳ và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) nông nghiệp có liên quan thể hiện

thửa đất số 200, ông A có nguồn gốc là đất ao sử dụng liên tục từ trước đất nay, không gắn liền với đất ở:

- Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299 năm 1986 thể hiện thửa đất này và các thửa đất số 209, 210, tờ bản đồ số HZ cùng chung một thửa là thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, diện tích 500m^2 không gắn liền với đất ở.

- Bản đồ đo đạc năm 1992 - 1993 thể hiện thửa đất số 58, tờ bản đồ số 02, diện tích 325m^2 không gắn liền với đất ở; Át lát năm 1993 thể hiện là thửa đất có diện tích 325m^2, mục đích sử dụng: Ao cá, chủ sử dụng: Hộ ông Phạm Văn A (có chữ ký xác nhận của ông A), (không gắn liền với đất ở).

Bản đồ công nghệ số năm 2011 thể hiện thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ, diện tích 228,8 m^2, loại đất: Ao (không gắn liền với đất ở).

+ Hồ sơ kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp nộp tại UBND xã Y của ông Phạm Văn A đối với thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ thể hiện là đất nông nghiệp không gắn liền với thửa đất ở;

+ Đối với thửa đất số 208, tờ bản đồ số HZ, diện tích 460,2m^2 là thửa đất có nhà ở của hộ ông Phạm Văn A đã được UBND thành phố X, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 715860 ngày 05 tháng 01 năm 2011;

+ Theo hồ sơ lưu trữ của Chi cục Thuế lập hàng năm thì ông Phạm Văn A chỉ kê khai, nộp thuế phi nông nghiệp đối với thửa đất số 208, tờ bản đồ số HZ, diện tích 460,2 m^2. Đối với thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ, diện tích 228,8 m^2 thuộc xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An không có trong bộ thuế phi nông nghiệp lưu trữ tại Chi cục Thuế.

- Theo Quyết định số 9162/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 1998 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thu hồi đất thực hiện công trình thủy lợi bơm Hưng Đồng (kênh chính nam) thể hiện loại đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, chuyên dùng.

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, việc UBND xã Y xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ là đất có nguồn gốc trước đây của bố mẹ của ông Phạm Văn A là cụ P và cụ Nsử dụng vào mục đích đất ao (vườn) không gắn liền đất ở từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 (không có giấy tờ gì) đến thời điểm trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 để lại cho ông Phạm Văn A, bà Trần Thị D sử dụng đến nay (không thuộc đất giao khoán) là đúng. Việc ông A yêu cầu UBND xã Y xác nhận thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ có nguồn gốc đất ở sử dụng trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 do bố mẹ của ông A để lại cho ông A sử dụng cho đến thời điểm thu hồi là không có cơ sở.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố X, tỉnh Nghệ An là giữ nguyên Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần hai).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An có văn bản trình bày: Việc giải quyết khiếu nại của ông A được UBND xã Y tiếp nhận đơn khiếu nại, thụ lý giải quyết khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại và ra quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011. Ông Phạm Văn A khiếu nại việc xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 200 gắn liền đất ở nhưng ông không cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh các thửa đất này gắn liền với đất ở. Trong giấy tờ, tài liệu, chứng cứ mà ông A cung cấp chỉ thể hiện được nội dung thửa đất này là đất vườn nhưng không chứng minh được là đất vườn gắn liền với đất ở. Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thể hiện:

+ Bản đồ qua các thời kỳ thể hiện thửa đất này không gắn liền với đất ở;

+ Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nộp tại UBND xã Y của ông Phạm Văn A đối với thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ thể hiện thửa đất không gắn liền với đất ở;

+ Tại Quyết định số 9162 ngày 04 tháng 11 năm 1998 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thu hồi đất thực hiện công trình thủy lợi Trạm bơm Đ (kênh chính nam) thể hiện loại đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, chuyên dùng.

Qua kết quả xác minh những người nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã Y, nguyên cán bộ địa chính xã và người cao tuổi biết về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất cho thấy có nhiều ý kiến trái chiều nhau nên không có cơ sở khẳng định nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất này là đất vườn gắn liền với đất ở.

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, việc UBND xã Y xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ là đúng. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Y giữ nguyên quan điểm, nội dung quyết định đã ban hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 13/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 75, Điều 21, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 21; Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 38, Điều 39, Điều 40 của Luật Khiếu nại, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần hai);

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A, trú tại xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An (lần đầu);

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A buộc Ủy ban nhân dân xã Y phải xác nhận lại nguồn gốc thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ, xóm O, xã Y cho gia đình ông A là đất ở hoặc đất vườn ao gắn liền với đất ở trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/01/2022, người khởi kiện ông Phạm Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và tuyên hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần hai); hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A, trú tại xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An (lần đầu); xác định thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZtại xóm O, xã Y, thành phố X của gia đình ông là đất vườn ao liền kề với đất ở; buộc UBND xã Y, thành phố X và UBND thành phố X, tỉnh Nghệ An phải thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện ông Phạm Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 204, 205, 206 Luật tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có mặt. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[3]. Về đối tượng khởi kiện:

Ông Phạm Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần hai) và Quyết định số 49/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND xã Y (lần đầu). Cùng với quyết định hành chính, người khởi kiện còn có yêu cầu cơ quan hành chính thực hiện hành vi hành chính (xác định nguồn gốc đất). Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Phạm Văn A bảo đảm yêu cầu về thời hiệu phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại, các quyết định bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, phù hợp với các quy định tại các điều 17, 18, 27,28, 29, 30, 31, 36,38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011.

[6]. Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ bao gồm hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính qua các thời kỳ đều thể hiện thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ, xóm O, xã Y, thành phố X, tỉnh Nghệ An không gắn liền với thửa đất số 208, tờ bản đồ số HZ. Theo Bản đồ 299 năm 1986 là tài liệu quản lý đất đai đầu tiên thể hiện: Thửa số 200 và các thửa đất số 209, 210, tờ bản đồ số HZ (hiện nay) cùng chung một thửa đất là thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, diện tích 500 m^2 (không gắn liền với đất ở số 208 của ông A). Các bản đồ, sổ địa chính sau này đều xác định thửa đất là: Ao (không gắn liền với đất ở). Năm 2011, ông Phạm Văn A được cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 208; năm 2014, ông A làm hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ nộp tại UBND xã Y đối với thửa đất số 200, thể hiện thửa đất không gắn liền với đất ở. Ông A khiếu nại việc xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 200 gắn liền đất ở tại thửa đất số 208 nhưng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất này gắn liền với đất ở. Căn cứ Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, việc UBND xã Y xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 200, tờ bản đồ số HZ là đất nông nghiệp là đúng quy định. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A về việc hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần hai) và hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND xã Y về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn A (lần đầu). Do không có căn cứ hủy các quyết định hành chính nên không có căn cứ để buộc cơ quan hành chính thực hiện hành vi hành chính theo quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND xã Y xác định lại nguồn gốc đất cho ông A.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[7]. Về án phí, ông Phạm Văn A, bà Trần Thị D là người cao tuổi, có yêu cầu xin được miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Ông Phạm Văn A, bà Trần Thị D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC HN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khánh